

Câu 1 (4,0 điểm).

a) Chứng minh rằng: Vị trí địa lí thuận lợi của nước ta có ý nghĩa rất quan trọng trong việc thực hiện chính sách mở cửa, hợp tác, hội nhập với các nước trong khu vực và trên thế giới.

b) Đặc điểm địa hình vùng núi Đông Bắc nước ta có ảnh hưởng như thế nào tới khí hậu của vùng này?

Câu 2 (2,0 điểm).

Trình bày những biểu hiện chính của biến đổi khí hậu toàn cầu. Vì sao Việt Nam được nhận định là một trong những quốc gia chịu ảnh hưởng nặng nề của biến đổi khí hậu toàn cầu hiện nay?

Câu 3 (4,0 điểm).

a) Vì sao rừng được xem là nguồn tài nguyên quý giá của nước ta?

b) Chứng minh rằng địa hình và khí hậu ảnh hưởng lớn đến đặc điểm sông ngòi nước ta.

Câu 4 (4,0 điểm).

a) Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học, hãy so sánh đặc tính và phân bố của nhóm đất feralit và nhóm đất phù sa ở nước ta.

b) Vĩnh Phúc đang thực hiện mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, em hãy trình bày những thay đổi của quần cư nông thôn trong quá trình thực hiện chương trình này.

Câu 5 (2,0 điểm). Cho bảng số liệu: NHIỆT ĐỘ TRUNG BÌNH TẠI MỘT SỐ ĐỊA ĐIỂM

Địa điểm	Nhiệt độ trung bình tháng 1 ($^{\circ}\text{C}$)	Nhiệt độ trung bình tháng 7 ($^{\circ}\text{C}$)	Nhiệt độ trung bình năm ($^{\circ}\text{C}$)
Lạng Sơn	13,3	27,0	21,2
Hà Nội	16,4	28,9	23,5
Huế	17,9	29,4	25,1
Đà Nẵng	21,3	29,1	25,7
Quy Nhơn	23,0	29,7	26,8
TP. Hồ Chí Minh	25,8	27,1	27,1

(Nguồn: SGK Địa lí nâng cao, NXB GD)

Nhận xét và giải thích sự thay đổi nhiệt độ từ Bắc vào Nam.

Câu 6 (4,0 điểm). Cho bảng số liệu:

SẢN LƯỢNG THỦY SẢN NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2005-2020

(Đơn vị: nghìn tấn)

Năm	2005	2010	2015	2020
Sản lượng				
Nuôi trồng	1478,9	2728,3	3532,2	4633,5
Khai thác	1987,9	2414,4	3049,9	3863,7

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2020, NXB Thống kê, 2021)

a) Vẽ biểu đồ thích hợp nhất so sánh sản lượng thủy sản khai thác với nuôi trồng nước ta, giai đoạn 2005-2020.

b) Nhận xét và giải thích về sự thay đổi sản lượng thủy sản khai thác và nuôi trồng nước ta, giai đoạn 2005-2020.

-----HẾT-----

Thí sinh được sử dụng Atlas địa lí Việt Nam. Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

Họ tên thí sinh SBD

Câu	Nội dung trả lời	Điểm
1 (4,0 đ)	a) Chứng minh rằng: vị trí địa lí thuận lợi của nước ta có ý nghĩa rất quan trọng trong việc thực hiện chính sách mở cửa, hợp tác, hội nhập với các nước trong khu vực và trên thế giới.	2,0
	- Nằm ở vị trí thuận lợi để phát triển các loại hình giao thông quốc tế (hàng hải, hàng không, đường bộ xuyên Á...) thuận lợi cho giao lưu với các nước.	0,5
	- Là cửa ngõ ra biển của nhiều nước láng giềng (Lào, đông bắc Thái Lan, Campuchia, tây nam Trung Quốc); Nước ta gần trung tâm của khu vực Đông Nam Á, thuộc khu vực châu Á-Thái Bình Dương, khu vực kinh tế phát triển năng động, đây là điều kiện thuận lợi để hợp tác, thu hút đầu tư,...	0,5
	- Vị trí liền kề cùng với nhiều nét tương đồng về văn hóa, lịch sử, phong tục tập quán với các nước trong khu vực là điều kiện thuận lợi để cùng hợp tác trên nhiều phương diện.	0,5
	- Vị trí giáp với nhiều quốc gia nên có chung tài nguyên (Biển Đông, sông Mê Kông) với nhiều nước là điều kiện thuận lợi để hợp tác, cùng khai thác phát triển.	0,5
	b) Đặc điểm địa hình vùng núi Đông Bắc nước ta ảnh hưởng như thế nào tới khí hậu của vùng?	2,0
	- Độ cao địa hình làm cho khí hậu của vùng có sự phân hóa theo độ cao: có 2 đai khí hậu (nhiệt đới ở chân núi và cận nhiệt ở các vùng có độ cao trên 600 - 700m).	0,5
2 (2,0 đ)	- Chủ yếu là đồi núi thấp nên đai nhiệt đới chiếm ưu thế.	0,5
	- Hướng vòng cung làm cho gió mùa Đông Bắc dễ dàng xâm nhập, vùng có mùa đông lạnh và kéo dài nhất nước ta, đến sớm và kết thúc muộn.	0,5
	- Các vùng nằm ở sườn khuất gió ít mưa như Lạng Sơn, Bắc Giang; các vùng nằm ở sườn đón gió có lượng mưa rất lớn như Móng Cái (Quảng Ninh)...	0,5
	Trình bày những biểu hiện chính của biến đổi khí hậu toàn cầu. Vì sao Việt Nam được nhận định là một trong những quốc gia chịu ảnh hưởng nặng nề của biến đổi khí hậu toàn cầu hiện nay?	2,0
	- Những biểu hiện chính của biến đổi khí hậu toàn cầu: + Nhiệt độ trung bình của Trái Đất tăng - Trái Đất nóng lên (diễn giải)	0,5
	+ Nước biển dâng, gia tăng thiên tai. (diễn giải)	0,5
	- Việt Nam được nhận định là một trong những quốc gia chịu ảnh hưởng nặng nề của Biến đổi khí hậu toàn cầu hiện nay vì: + Việt Nam là quốc gia nhiệt đới, có đường bờ biển dài (3260km), dải đồng bằng phân bố ven biển thấp và Việt Nam là nước có nhiều thiên tai, nhất là bão nên biến đổi khí hậu tác động sâu sắc đến mọi mặt tự nhiên, KT- XH.	0,5

	+ Việt Nam là nước đang phát triển, hạ tầng còn hạn chế, đông dân, nhận thức của hầu hết dân cư về Biến đổi khí hậu, ứng phó với Biến đổi khí hậu còn hạn chế nên Biến đổi khí hậu gây hậu quả nghiêm trọng.	0,5													
3 (4,0 đ)	a) Vì sao rừng được xem là nguồn tài nguyên quý giá của nước ta?	2,0													
	- Rừng tham gia vào quá trình điều hoà khí hậu, đảm bảo chu chuyển ôxy và các nguyên tố cơ bản khác trên hành tinh. Bảo tồn nguồn nước mặt và nước ngầm và làm giảm mức ô nhiễm không khí và nước.	0,5													
	- Làm giảm nhẹ sức tàn phá khốc liệt của các thiên tai (hạn chế lũ lụt, hạn hán, sạt lở đất,...).	0,5													
	- Ngăn chặn xói mòn đất, duy trì tính ổn định và độ màu mỡ của đất.	0,5													
	- Cung cấp cho con người nhiều lâm sản có giá trị (các loại gỗ, dược liệu,...). Tạo cảnh quan phát triển du lịch,...	0,5													
	b) Chứng minh rằng địa hình và khí hậu ảnh hưởng lớn đến đặc điểm sông ngòi nước ta.	2,0													
	- Nước ta có khí hậu nhiệt đới gió mùa, lượng mưa lớn, mưa phân bố trên diện rộng nên mạng lưới sông ngòi nước ta dày đặc và phân bố rộng khắp cả nước.	0,5													
	- Do cấu trúc địa hình nước ta có hai hướng chính tây bắc - đông nam và vòng cung nên những sông chảy trong các khu vực địa hình đó cũng có hướng như vậy, ngoài ra còn ảnh hưởng đến hình dạng mạng lưới sông, độ dốc lòng sông, tốc độ chảy...	0,5													
	- Mưa theo mùa và lượng mưa lớn nên chế độ nước sông cũng theo mùa, lượng nước lớn.	0,5													
	- Do khí hậu và địa hình nên quá trình xâm thực mạnh ở miền đồi núi nên sông ngòi giàu phù sa...	0,5													
4 (4,0 đ)	a) Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học, hãy so sánh đặc tính và phân bố của nhóm đất Feralit và nhóm đất Phù sa ở nước ta.		2,0												
	<table><tr><td>Nhóm đất</td><td>Đất feralit</td><td>Đất phù sa</td></tr><tr><td>Tiêu chí</td><td></td><td></td></tr><tr><td>Đặc tính</td><td>Chua, nghèo mùn, nhiều sét, có nhiều hợp chất sắt, nhôm nên đất có màu đỏ, vàng dễ bị kết von hoặc biến thành đá ong.</td><td>Xốp, ít chua, giàu mùn, dễ canh tác, độ phì cao.</td></tr><tr><td>Phân bố</td><td>- Vùng đồi núi thấp. - Đất trên đá vôi phân bố ở phía Bắc. - Đất trên đá badan phân bố ở Tây Nguyên và Nam Bộ.</td><td>Tập trung ở châu thổ sông Hồng và châu thổ sông Cửu Long, đồng bằng duyên hải.</td></tr></table>		Nhóm đất	Đất feralit	Đất phù sa	Tiêu chí			Đặc tính	Chua, nghèo mùn, nhiều sét, có nhiều hợp chất sắt, nhôm nên đất có màu đỏ, vàng dễ bị kết von hoặc biến thành đá ong.	Xốp, ít chua, giàu mùn, dễ canh tác, độ phì cao.	Phân bố	- Vùng đồi núi thấp. - Đất trên đá vôi phân bố ở phía Bắc. - Đất trên đá badan phân bố ở Tây Nguyên và Nam Bộ.	Tập trung ở châu thổ sông Hồng và châu thổ sông Cửu Long, đồng bằng duyên hải.	1,0
	Nhóm đất	Đất feralit	Đất phù sa												
	Tiêu chí														
	Đặc tính	Chua, nghèo mùn, nhiều sét, có nhiều hợp chất sắt, nhôm nên đất có màu đỏ, vàng dễ bị kết von hoặc biến thành đá ong.	Xốp, ít chua, giàu mùn, dễ canh tác, độ phì cao.												
Phân bố	- Vùng đồi núi thấp. - Đất trên đá vôi phân bố ở phía Bắc. - Đất trên đá badan phân bố ở Tây Nguyên và Nam Bộ.	Tập trung ở châu thổ sông Hồng và châu thổ sông Cửu Long, đồng bằng duyên hải.													
		1,0													
b) Vĩnh Phúc đang thực hiện mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, em hãy trình bày những thay đổi của quần cư nông thôn trong quá trình thực hiện chương trình này.		2,0													

	- Diện mạo làng quê có nhiều thay đổi như: đường làng được bê tông hóa; cầu trúc nhà ở; thói quen sinh hoạt; lối sống thành thị lan tỏa về nông thôn.	0,5
	- Thu nhập tăng; giảm tỉ lệ hộ nghèo; chất lượng giáo dục, y tế được nâng cao; có điện thắp sáng,...	0,5
	- Quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đang diễn ra.	0,5
	- Tỉ lệ lao động phi nông nghiệp ngày càng cao	0,5
5 (2,0 đ)	Nhận xét và giải thích sự thay đổi nhiệt độ từ Bắc vào Nam.	2,0
	- <i>Nhận xét:</i> + Nhiệt độ trung bình tháng 1 và trung bình năm của các địa điểm có sự chênh lệch theo chiều hướng tăng dần từ Bắc vào Nam (<i>dẫn chứng</i>).	0,5
	+ Nhiệt độ trung bình tháng 7 giữa các địa điểm ít có sự chênh lệch. Biên độ nhiệt năm giảm dần từ Bắc vào Nam (<i>dẫn chứng</i>).	0,5
	- <i>Giải thích:</i> + Càng vào Nam, càng gần xích đạo thì bề mặt Trái Đất càng nhận lượng bức xạ Mặt trời lớn do góc chiếu của tia sáng Mặt trời lớn và khoảng thời gian giữa hai lần Mặt trời lên thiên đỉnh dài hơn.	0,5
	+ Tháng 1 chênh lệch nhiệt độ từ Bắc vào Nam rõ rệt vì miền Bắc chịu ảnh hưởng mạnh của gió mùa Đông Bắc. Tháng 7 không còn tác động của gió mùa Đông Bắc nên sự chênh lệch nhiệt độ giữa các điểm từ Bắc vào Nam không rõ rệt.	0,5
6 (4,0 đ)	a) Vẽ biểu đồ: Cột ghép (<i>biểu đồ khác không cho điểm</i>). Yêu cầu: đảm bảo tính chính xác, khoa học; Ghi đủ: tên biểu đồ, kí hiệu, chú giải, số liệu, đơn vị, năm; Trình bày sạch, đẹp, rõ ràng. (<i>Nếu thiếu, sai mỗi lỗi trừ 0,25 điểm</i>).	2,0
	b) Nhận xét và giải thích về sự thay đổi sản lượng thủy sản khai thác và nuôi trồng nước ta, giai đoạn 2005 - 2020.	2,0
	- Sản lượng thủy sản liên tục tăng (<i>dẫn chứng</i>): + Nước ta có nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển ngành thủy sản khai thác, nuôi trồng (<i>dẫn chứng</i>).	1,0
	+ Do nhu cầu thị trường ngày càng lớn, công nghiệp chế biến ngày càng phát triển.	0,5
	- Sản lượng nuôi trồng tăng nhanh hơn và vượt lên trên (<i>dẫn chứng</i>): do nuôi trồng có nhiều ưu thế, cải tiến kĩ thuật, đa dạng đối tượng nuôi trồng.	0,25
	- Sản lượng thủy sản khai thác tăng chậm hơn (<i>dẫn chứng</i>): do gặp nhiều khó khăn như phương tiện, tàu thuyền chậm đổi mới, nguồn lợi thủy sản có nguy cơ suy giảm, một số vùng biển bị ô nhiễm.	0,25
Tổng	Câu 1 + 2 + 3 + 4 + 5 + 6	20,0